TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Kim Thủy
Ông Nguyễn Văn Soan
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án Gò Vấp
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:
Bà Lê Hoàng Bảo Chinh – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1027/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 578/2023/QĐXX - ST ngày 09/11/2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số 527/2023/QĐHPT – ST ngày 30/11/2023; số 539/2023/QĐHPT – ST ngày 15/12/2023), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Văn T, sinh năm 1960
Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Bị đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1961
Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Nguyên đơn có đề nghị vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn là ông Lưu Văn T và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Ông Lưu Văn T và bà Phạm Thị P chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 013/1986, do Ủy ban nhân dân phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/02/1986. Ông bà chung sống có ba con chung tên Lưu Thị Hoàng Y, sinh năm 1986; Lưu Thị Hoàng O, sinh năm 1990 và Lưu Thị Hồng Q, sinh năm 1992. Cả ba con chung đều đã trưởng thành. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc do không còn tiếng nói chung trong những việc lớn

nhỏ của gia đình. Mạnh ai nấy sống theo cách riêng của mình. Ông T đã bàn chuyện ly hôn với bà P và cả hai thống nhất ly hôn. Nhưng khi ông mang đơn đề nghị thuận tình ly hôn về thì bà P xé bỏ không ký tên. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà P để ổn định cuộc sống của mình. Con chung đều đã trưởng thành. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà P liên tục vắng mặt.

Nguyên đơn đã đề nghị đăng tin thông báo về vụ án cho bị đơn là bà Phạm Thị P trên phương tiện thông tin đại chúng và cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên. Bị đơn vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Tống đạt cho đương sự, tiến hành phiên hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn nghiên cứu đúng theo quy định tại các Điều 175, 208, 203, 220, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Kết quả thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng cư trú của bị đơn thể hiện bị đơn có đăng ký thường trú tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp, nhưng từ sau khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn đã đi khỏi địa phương và đi đâu không rõ. Việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng không đảm bảo việc cấp, tống đạt, thông báo cho người được cấp, tống đạt, thông báo. Nguyên đơn đã đề nghị thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và cổng thông tin điện tử của Tòa án. Tòa án đã thực hiện việc đăng tin theo đúng quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn biết việc ly hôn nhưng không về nhà, không cùng chung sống xây dựng hạnh phúc với nguyên đơn, không cùng nguyên đơn chăm sóc, quan tâm nhau, chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi nên miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 013/1986, do Ủy ban nhân dân phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/02/1986. Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

Bị đơn có đăng ký thường trú tại địa chỉ quận Gò Vấp, TPHCM. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Bị đơn thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho nguyên đơn không biết được nhằm che dấu địa chỉ được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đăng tin thông báo đối với bị đơn trên báo, đài của Trung ương và cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định tại khoản 4 Điều 91; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

2.1 Về mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên đơn khai trong cuộc sống vợ chồng cả hai không còn tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống theo cách riêng của mình. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống của mình.

Bị đơn không đến Tòa án trình bày ý kiến, bị đơn đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng hôn nhân của các đương sự. Kết quả thể hiện tình trạng hôn nhân của các đương sự hiện nay không hòa thuận và có nhiều mâu thuẫn. Bị đơn không tôn trọng chồng và không quan tâm chăm sóc chồng khi chồng bị bệnh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Việc nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân gia đình không còn nữa. Việc các đương sự mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai thể hiện đời sống vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Bị đơn không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ chồng khi ốm đau, không đến Tòa án để giải quyết vụ án cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, bỏ mặc hôn nhân và gia đình của mình. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có ba con chung là Lưu Thị Hoàng Y, sinh năm 1986; Lưu Thị Hoàng O, sinh năm 1990 và Lưu Thị Hồng Q, sinh năm 1992. Tất cả đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn là ông Lưu Văn T sinh năm 1960, có đơn đề nghị miễn án phí, thuộc trường hợp người cao tuổi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi nên được miễn án phí.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 2 của Luật người cao tuổi;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Văn T được ly hôn bà Phạm Thị P. Giấy chứng nhận kết hôn số 013/1986, do Ủy ban nhân dân phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/02/1986 không còn hiệu lực.

- Về con chung: Có ba con chung là Lưu Thị Hoàng Y, sinh năm 1986; Lưu Thị Hoàng O, sinh năm 1990 và Lưu Thị Hồng Q, sinh năm 1992. Tất cả đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Lưu Văn T.

3/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị